

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập . Tự do . Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DSST
Ngày 22 tháng 9 năm 2022
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
(tiền)*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Lương Thị Thuỷ**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Bình**

Bà **Bùi Thị Huế**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:*

Ông **Đỗ Văn Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022 tại trụ sở Toà án nhân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc Kiện đòi tài sản (tiền) theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 17/8/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 05/2022/QĐST- DS ngày 05/9/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1983 (*Có mặt*)

- *Bị đơn:* Anh **Trịnh Văn H**, sinh năm 1982 (*vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Hoàng Thị D**, sinh năm 1989 (*vắng mặt*)

Đều có HKTT: Thôn T, xã X, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Chị D ủy quyền cho anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của anh Nguyễn Văn C trong quá trình tố tụng thể hiện:

Do là người cùng thôn quen biết nhau nên ngày 31/8/2019 vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị D có cho anh Trịnh Văn H vay số tiền 150.000.000đồng để anh H mua đất bán đấu giá. Việc vay tiền hai bên có làm thành hợp đồng, lãi suất thỏa thuận 01%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 1.500.000đồng/tháng và thời gian trả lãi là 03 tháng một lần. Anh C và anh H là người ký tên trong hợp đồng. Về thời hạn vay thì hai bên thỏa thuận khi nào anh C có nhu cầu lấy tiền thì báo trước cho anh H 01 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H mới trả được cho anh tổng 20.000.000đ tiền lãi đến ngày 10/10/2020.

Tháng 10/2020, vợ chồng anh C yêu cầu cho anh H trả số tiền gốc và lãi, thời hạn trả đến ngày 31/12/2020, nhưng hết thời hạn trên, anh H vẫn không trả tiền cho anh chị, mặc dù vợ chồng anh đã tạo điều kiện chia nhỏ số tiền từng tháng cho anh H trả dần nhưng anh H vẫn không trả. Do vậy, anh C khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu anh Trịnh Văn H trả cho vợ chồng anh số tiền 150.000.000đồng và tiền lãi tính từ tháng 10/2020 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai anh Trịnh Văn H trình bày: Anh thừa nhận có vay của vợ chồng anh C số tiền 150.000.000đồng với lãi suất 01%/tháng. Ngày 31/8/2019, hai bên có lập hợp đồng vay và anh đã nhận tiền tại nhà anh C. Quá trình vay, anh đã 3 lần trả tiền lãi cho anh C, chị D, cụ thể: ngày 03/11/2019 trả 6.000.000đ, ngày 16/6/2020 trả 6.000.000đ và ngày 02/12/2020 trả 8.000.000đ. Do khó khăn nên anh chưa có điều kiện trả tiền cho anh C, anh nhận nợ và sẽ trả cho anh C tiền gốc và lãi khi có điều kiện.

Lời khai của người làm chứng là bà Bùi Thị Bản (mẹ anh C) xác định: Anh C và anh H là bạn chơi với nhau, vài năm trước H có đến vay tiền C và hai bên giao nhận tiền tại nhà bà, hiện nay anh H vẫn chưa trả tiền cho anh C.

Tại phiên tòa: Anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh H phải trả lại toàn bộ tiền cả gốc và lãi tính từ tháng 10/2020 đến nay.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phân Thảm phán đã cơ bản chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tuy nhiên: Chưa làm rõ có hay không việc anh Nguyễn Văn C ký hợp đồng vay tiền của anh H, chữ viết, chữ ký trong hợp đồng vay tiền là của ai, có phải của anh H không. Anh H đã trả anh C được bao nhiêu tiền, là những khoản tiền nào. Việc làm trên của Tòa án đã vi phạm: Điều 198, khoản 2 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275, 280, 385, 401, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn C, buộc anh Trịnh Văn H phải trả vợ chồng anh C số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận kể từ ngày 11/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

+ Anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện VKSND huyện Ân Thi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu anh Trịnh Văn Hải trả số tiền đã vay theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản (tiền), bị đơn là anh Trịnh Văn Hải, cư trú tại: T, X, Ân Thi, Hưng Yên. Do vậy căn cứ điểm khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai do anh đang bị tạm giam trong vụ án hình sự khác, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Ngày 31/8/2019, vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị D lập hợp đồng cho anh Trịnh Văn H vay số tiền 150.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 01%/tháng, việc vay tiền không xác định thời hạn trả, tuy nhiên khi anh C cần tiền sẽ báo cho anh H trước 01 tháng. Xét thấy đây là giao dịch dân sự về việc vay mượn tiền, các bên tham gia giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực dân sự và hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái không đạo đức xã hội, do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H đã 3 lần trả cho anh C số tiền lãi đến hết ngày 10/10/2020 tổng là 20.000.000đ. Từ tháng 10/2020, anh C nhiều lần thông báo cho anh H yêu cầu trả số tiền gốc đã vay nhưng anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh C. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của anh C về việc yêu cầu anh H phải thanh toán khoản tiền đã vay bao gồm nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là có căn cứ nên được chấp nhận. Anh H có nghĩa vụ thanh toán cho anh C các khoản tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm bao gồm:

Tiền gốc: 150.000.000đồng

Tiền lãi: Từ ngày 11/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 23 tháng 12 ngày
 $150.000.000đ \times 01\%/tháng \times (23 tháng 12 ngày) = 35.100.000đ$.

Tổng số tiền anh H phải trả cho anh C là 185.100.000đ

[3] *Về án phí*: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 280, 401, 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C, buộc anh Trịnh Văn H phải trả cho anh C số tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 11/10/2020 đến ngày 22/9/2022 là 35.100.000đồng, tổng là 185.100.000đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày 23/9/2022, anh H tiếp tục có trách nhiệm thanh toán cho anh C khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

2. Về án phí dân sự: Anh H phải chịu 9.255.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000đồng theo biên lai thu số 0003775 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ân Thi;
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Lưu HS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà**

Đã ký

Lương Thị Thuỷ